TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2025/DS-ST
Ngày 31 – 12 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Trung Trực.

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đăng Phương. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Huỳnh Triều P, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: Ấp Y, xã Đ, tỉnh Cà Mau – văn bản ủy quyền ngày 31/12/2025 (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Đoàn Quốc H, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T1, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096076010456, cấp ngày 24/10/2023 (vắng mặt).

2. Bà Dương Kiều H1, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T1, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096179008725, cấp ngày 28/6/2021 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đăng Phương và lời trình bày tại phiên tòa của chị Huỳnh Triều P, thể hiện*:

Vào ngày 08/10/2022 ông T hợp đồng bán thức ăn tôm và chế phẩm sinh học cho ông Đoàn Quốc H, bà Dương Kiều H1, thời gian thực hiện từ ngày 08/10/2022 đến 30/11/2022. Thỏa thuận, ông T sẽ cung cấp thức ăn và chế

phẩm sinh học theo số lượng đặt hàng của ông H, bà H1 và thanh toán tiền mặt hoặc kết thúc vụ nuôi hoặc bên đại lý yêu cầu thanh toán. Quá trình thực hiện sau khi đối chiếu công nợ thì ông H, bà H1 còn nợ số tiền 58.456.000 đồng.

Mặc dù đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán nhưng ông H, bà H1 không thực hiện nên ông T khởi kiện yêu cầu ông H, bà H1 phải trả số tiền còn thiếu là 58.456.000 đồng; quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu ông H, bà H1 trả số tiền 52.598.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị P yêu cầu ông H, bà H1 trả cho ông T số tiền 52.000.000 đồng.

** Theo đơn yêu cầu của ông Đoàn Quốc H, bà Dương Kiều H1; lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Dương Kiều H1, thể hiện*:

Bà H1 và ông H có mua bán thức ăn tôm và chế phẩm sinh học của ông T. Khi hòa giải tại Tòa án bà H1 thừa nhận số nợ 52.598.000 đồng và đồng ý cùng ông H trả cho ông T số tiền này. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra thì xác định toa ngày 03/11/2022 không có giao dịch trên thực tế và chữ ký đó không phải của ông H nên chỉ còn nợ số tiền 40.628.000 đồng nên đồng ý trả số tiền này cho ông T.

Tại phiên tòa, bà H1 không yêu cầu giám định chữ ký của ông H trong toa hàng ngày 03/11/2022 nhưng yêu cầu xem xét chiết khấu trước khi trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng không có ý kiến gì về nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đoàn Quốc H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H là phù hợp.

[2] Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đăng Phương và lời trình bày của chị Huỳnh Triều P, thể hiện: Trong thời gian thực hiện mua bán thức ăn tôm và chế phẩm sinh học từ ngày 08/10/2022 đến 30/11/2022, sau khi thanh toán thì ông H, bà H1 còn nợ số tiền 58.456.000 đồng. Sau khi thụ lý vụ án, ngày 08/12/2025 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ thì ông T, bà H1 xác định số tiền phải trả là 52.598.000 đồng. Sau khi hòa giải thành, Tòa án đã tiến hành tống đạt biên bản cho ông H, bà H1 thì các đương sự này xác định chỉ còn nợ số tiền 40.628.000 đồng.

[3] Theo sổ theo dõi công nợ mà ông T cung cấp thể hiện, ông H ký nhận nợ ngày 17/11/2024 với số tiền 58.456.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu trả số tiền 52.598.000 đồng, tại phiên tòa chị P tự nguyện giảm bớt phần số lẻ và yêu cầu ông H, bà H1 trả lại cho ông T 52.000.000 đồng (số tiền này ít hơn số tiền ông H ký nhận nợ).

Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, mặc dù bà H1 không thừa nhận ông H có nhận toa hàng ngày 03/11/2022 và chữ ký không phải của ông H nhưng không yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành giám định chữ ký, chữ viết trong toa hàng này mà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã cung cấp để giải quyết vụ án.

[5] Theo quy định của pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp và phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ.

Trong vụ án này, nghĩa vụ chứng minh số tiền còn nợ lại thuộc về ông H, bà H1 vì vào ngày 18/11/2024 ông H đã ký nhận nợ số tiền 58.456.000 đồng; ông T đã khởi kiện yêu cầu ông H, bà H1 trả bằng số tiền này nhưng quá trình hòa giải ông T yêu cầu trả số tiền 52.598.000 đồng và tại phiên tòa chị P yêu cầu trả số tiền 52.000.000 đồng thì đã giảm so với thời điểm ký nhận nợ; việc ông H, bà H1 xác định còn nợ số tiền 40.628.000 đồng nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên ông H, bà H1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ. Do đó, việc chị P yêu cầu ông H, bà H1 trả cho ông T số tiền 52.000.000 đồng là phù hợp với Điều 440 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, chị P và bà H1 đồng ý việc thỏa thuận chiết khấu khi thanh toán tiền ở giai đoạn thi hành án, nội dung này phù hợp với hợp đồng thỏa thuận đầu tư mua bán thức ăn tôm được thiết lập ngày 08/10/2022 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do vậy, trong vụ án này, ông H, bà H1 phải chịu là: 52.000.000 đồng x 5% = 2.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đăng Phương.

Buộc ông Đoàn Quốc H và bà Dương Kiều H1 phải trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền còn thiếu là 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông H, bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đoàn Quốc H và bà Dương Kiều H1 phải chịu 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Minh T không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông T số tiền đã nộp tạm ứng 1.808.000 đồng (một triệu tám trăm linh tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004824 ngày 18/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn